TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 75/2020/DS-ST
Ngày: 14/7/2020
V/v tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm.

2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 439/2019/TLST-DS, ngày 20 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2020/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; trụ sở: số 130 Phan Đ, phường 3, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ. Là đại diện ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 122/QĐ-DAB-HĐQT ngày 27/4/2016.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Ông Bạch Ngọc H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh An Giang – Phòng Giao dịch Chợ Mới. Là đại diện ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 1269/QĐ-DAB-PC ngày 26/7/2016.

Người đại diện hợp pháp của ông H: Ông Nguyễn Thành L – Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Phòng Giao dịch Chợ Mới; địa chỉ: số 06A đường N, thị trấn C, huyện M, tỉnh An Giang. Là đại diện ủy quyền lại theo Văn bản ủy quyền ngày 31/10/2019 (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp M, xã N, huyện M, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp M, xã N, huyện M, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn, ông Nguyễn Thành L trình bày: Ngày 14/5/2018, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Lê Thị Thanh T thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00697181/0131644001T18105, theo Hợp đồng thì bà T vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 14/5/2018 đến hết ngày 14/5/2019, lãi suất trong hạn 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ gốc, lãi hàng tháng. Hình thức vay tín chấp.

Cùng ngày, Ngân hàng đã giải ngân cho bà T đủ số tiền 20.000.000 đồng theo Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T trả vốn: 3.021.308 đồng, lãi 327.692 đồng, tổng cộng 3.340.000 đồng thì ngưng đến nay, mặc dù Ngân hàng có nhắc nhở bà T nhiều lần nhưng bà vẫn không thực hiện và số nợ đến nay đã quá hạn, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Thanh T có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn 16.987.692 đồng, lãi trong hạn 1.672.308 đồng, lãi quá hạn 1.280.934 đồng (tính đến ngày 31/10/2019), tổng cộng 19.940.934 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đến ngày Tòa án xét xử.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn P, thì thời điểm bà T vay tiền của Ngân hàng, ông P biết việc này và có cam kết bảo lãnh số tiền vay của bà T theo Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, nhưng bà T vay tiền của Ngân hàng với tư cách cá nhân, với hình thức tín chấp, nên Ngân hàng không yêu cầu ông P có nghĩa vụ liên đới cùng bà T thanh toán nợ cho Ngân hàng. Trường hợp, bà T không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ khởi kiện ông P bằng vụ kiện khác. Đối với việc xác nhận của đơn vị (Ủy ban nhân dân xã N), nơi bà T công tác tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00697181/0131644001T18105 ngày 14/5/2018, thì phía đơn vị của bà T có trách nhiệm đôn đốc, nhắc nhở cán bộ, công nhân viên thuộc Cơ quan, tổ chức mình quản lý có trách nhiệm trả nợ đúng theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng và Thông báo cho phía Ngân hàng biết khi có cán bộ, công nhân viên chức nghỉ việc hay điều động công tác để Ngân hàng biết để thu hồi nợ đối với những người đã vay vốn tại Ngân hàng, nên Ủy ban nhân dân xã N không có trách nhiệm liên quan trong vụ kiện. Do đó, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án

đưa Ủy ban nhân dân xã N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, ông L đại diện Ngân hàng xác định yêu cầu bà Lê Thị Thanh T có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn 16.987.692 đồng, lãi trong hạn 1.672.308 đồng, lãi quá hạn 3.459.401 đồng (tính đến ngày 14/7/2020), tổng cộng 22.119.401 đồng và tiền lãi phát sinh trên vốn gốc 16.987.692 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00697181/0131644001T18105 ngày 14/5/2018, kể từ ngày 15/7/2020 đến ngày bà T thanh toán dứt nợ. Ông L xác định do mục đích bà T vay tiền của Ngân hàng là để tiêu dùng cá nhân nên Ngân hàng không yêu cầu chồng bà T cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Lê Thị Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn P được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Ngày 14/5/2018, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và bà Lê Thị Thanh T có ký hợp đồng tín dụng số 00697181 với số tiền 20.000.000 đồng (đã giải ngân ngày 14/5/2018), thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 14/5/2018 đến ngày 14/5/2019), lãi suất trong hạn 10%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Hình thức vay tín chấp.

Trong quá trình thực hiện, bà T trả được 3.340.000 đồng, trong đó vốn gốc: 3.021.308 đồng, lãi 327.692 đồng thì ngưng đến nay. Nay, Ngân hàng yêu cầu bà T trả vốn gốc còn nợ 16.987.692 đồng, lãi trong hạn 1.672.308 đồng, lãi quá hạn 3.459.401 đồng (tính đến ngày 14/7/2020), tổng cộng 22.119.401 đồng và tiền lãi phát sinh trên vốn gốc từ ngày 15/7/2020 đến khi bà T thanh toán hết nợ.

Phía bà Lê Thị Thanh T, ông Phạm Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi nhận ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng số 00697181 ngày 14/5/2018, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ với bà Lê Thị Thanh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. Do bà T vi phạm nghĩa vụ, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T trả vốn gốc còn nợ 16.987.692 đồng, lãi trong hạn 1.672.308 đồng, lãi quá hạn 3.459.401 đồng (tính đến ngày 14/7/2020), tổng cộng 22.119.401 đồng và tiền lãi phát sinh trên vốn gốc từ ngày 15/7/2020 đến khi bà T thanh toán hết nợ là có căn cứ.

Đối với ông Phạm Văn P (chồng của bà T) có cam kết bảo lãnh số tiền vay cho bà T, nhưng bà T vay với tư cách cá nhân với hình thức tín chấp do Ủy ban nhân dân xã N chỉ xác nhận việc bà T công tác tại đơn vị trong thời gian ký kết

hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng không yêu cầu Ủy ban nhân dân xã N, ông P nên không đề cập đến.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

- Buộc bà Lê Thị Thanh T trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền vốn gốc còn nợ 16.987.692 đồng, lãi trong hạn 1.672.308 đồng, lãi quá hạn 3.459.401 đồng (tính đến ngày 14/7/2020), tổng cộng 22.119.401 đồng và tiền lãi phát sinh trên vốn gốc từ ngày 15/7/2020 đến khi bà T thanh toán hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện bà Lê Thị Thanh T. Bà T có nơi cư trú ấp M, xã N, huyện M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bị đơn bà Lê Thị Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông P là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, ông L đại diện Ngân hàng yêu cầu bà Lê Thị Thanh T có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn 16.987.692 đồng, lãi trong hạn 1.672.308 đồng, lãi quá hạn 3.459.401 đồng (tính đến ngày 14/7/2020), tổng cộng 22.119.401 đồng và tiền lãi phát sinh trên vốn gốc 16.987.692 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00697181/0131644001T18105 ngày 14/5/2018, kể từ ngày 15/7/2020 đến ngày bà T thanh toán dứt nợ. Xét thấy, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[4] Đối với Ủy ban nhân dân xã N (gọi tắt là Ủy ban), Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ theo xác nhận của Ủy ban trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn bà T ký kết với Ngân hàng thì phía Ủy ban chỉ có nghĩa vụ nhắc nhở, đôn đốc cán bộ thuộc quyền quản lý của Cơ quan mình để thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng và Ủy ban cũng không bảo lĩnh số tiền vay của cá nhân bà T với Ngân hàng. Bên cạnh đó, phía Ngân hàng cũng đề nghị Tòa án không đưa Ủy ban vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó, Tòa án không đưa Ủy ban vào tham gia tố tụng là có cơ sở.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00697181/0131644001T18105 ngày 14/5/2018 ký kết giữa Ngân hàng với bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng tín dụng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ theo hợp đồng tín dụng đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía bà T không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn cho Ngân hàng để phát sinh nợ quá hạn là vi phạm nghĩa vụ của người vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện bà T yêu cầu trả vốn gốc còn nợ 16.987.692 đồng, lãi 5.131.709 đồng (tính đến ngày 14/7/2020), tổng cộng 22.119.401 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, Điều 91 và Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010.

[6] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có yêu cầu bà Cẩm phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00697181/0131644001T18105 ngày 14/5/2018 đã ký kết từ ngày 15/7/2020 cho đến khi bà T thanh toán xong các khoản nợ với Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng tín dụng có thỏa thuận mức lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho đến khi bà T thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng là phù hợp với Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

[7] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn P. Hội đồng xét xử xét thấy, theo hồ sơ thể hiện bà T có chồng là ông Phạm Văn P, số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và ông P biết việc bà T vay tiền của Ngân hàng, đồng thời cam kết bảo lãnh số nợ này của bà T. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng xác định bà T vay tiền của Ngân hàng là vay cá nhân, với hình thức tín chấp nên Ngân hàng không yêu cầu ông P cùng có nghĩa vụ liên đới với bà T trả nợ cho Ngân hàng cũng như không yêu cầu trách nhiệm bảo lãnh của ông P đối với số nợ này. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Trường hợp, bản án có hiệu lực pháp luật mà bà T không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền khởi kiện ông P yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho bà T theo thỏa thuận mà phía ông P đã cam kết bảo lãnh bằng vụ kiện khác.

[8] Từ những phân tích trên, có cơ sở buộc bà Lê Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á số tiền vốn gốc còn nợ 16.987.692 đồng, lãi 5.131.709 đồng (tính đến ngày 14/7/2020), tổng cộng 22.119.401 đồng và bà Lê Thị Thanh T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho đến khi bà T thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với bà Lê Thị Thanh T.

- Buộc bà Lê Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á số tiền vốn gốc còn nợ 16.987.692 đồng, lãi 5.131.709 đồng (tính đến ngày 14/7/2020), tổng cộng 22.119.401 đồng (Hai mươi hai triệu một trăm mười chín nghìn bốn trăm lẻ một) đồng.

- Kể từ ngày 15/7/2020, bà Lê Thị Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00697181/0131644001T18105 ngày 14/5/2018 cho đến khi bà T thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thì lãi suất mà bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thanh T phải chịu 1.106.000 (Một triệu một trăm lẻ sáu nghìn) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 498.500 (Bốn trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm) đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Phòng giao dịch Chợ Mới đại diện nhận theo biên lai thu số 0007721 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới cấp ngày 20/12/2019.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư